



STAINED GLASS

KÍNH MÀU
STAINED GLASS
VITRAUX



AA STAINED GLASS

480/81 LÊ QUANG ĐỊNH, Q.BÌNH THẠNH, TP.HCM

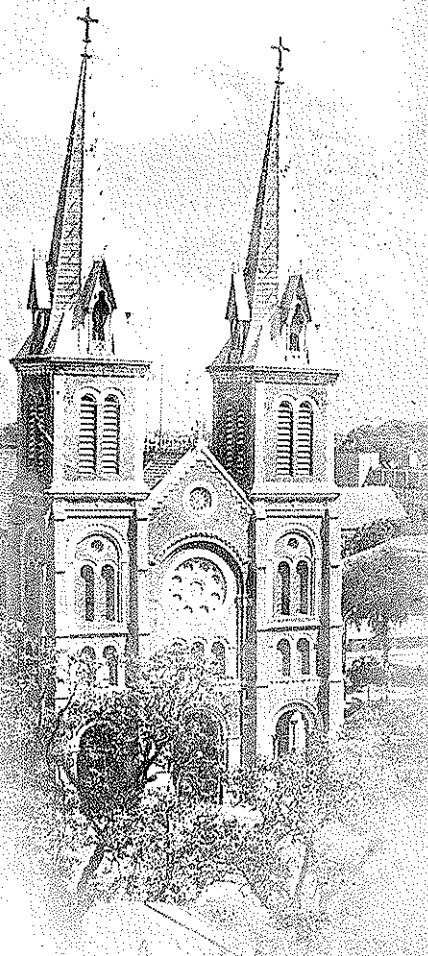
TEL: 84-8-8942040 FAX: 84-8-8942040

http : \ www.aacompany.vn.com



LÀ THƯƠNG HIỆU CỦA CÔNG TY XÂY DỰNG - KIẾN TRÚC AA

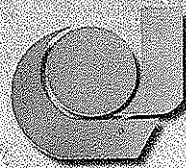
Sắc màu của đời sống tâm linh



■ NHÀ CHUYÊN NGHIỆP ĐẦU TIÊN TẠI VIỆT NAM, CHẾ TẠO KÍNH MÀU GHEP THEO PHƯƠNG PHÁP TRUYỀN THỐNG CHÂU ÂU

■ PHỤC HỒI, TÂN TRANG TRANH KÍNH MÀU TRONG CÁC NHÀ THỜ

■ THIẾT KẾ, CHẾ TẠO, LẮP ĐẶT MỖI CÁC CỬA SỔ, TRANH KÍNH CHO NHÀ THỜ VÀ CÁC CÔNG TRÌNH KHÁC

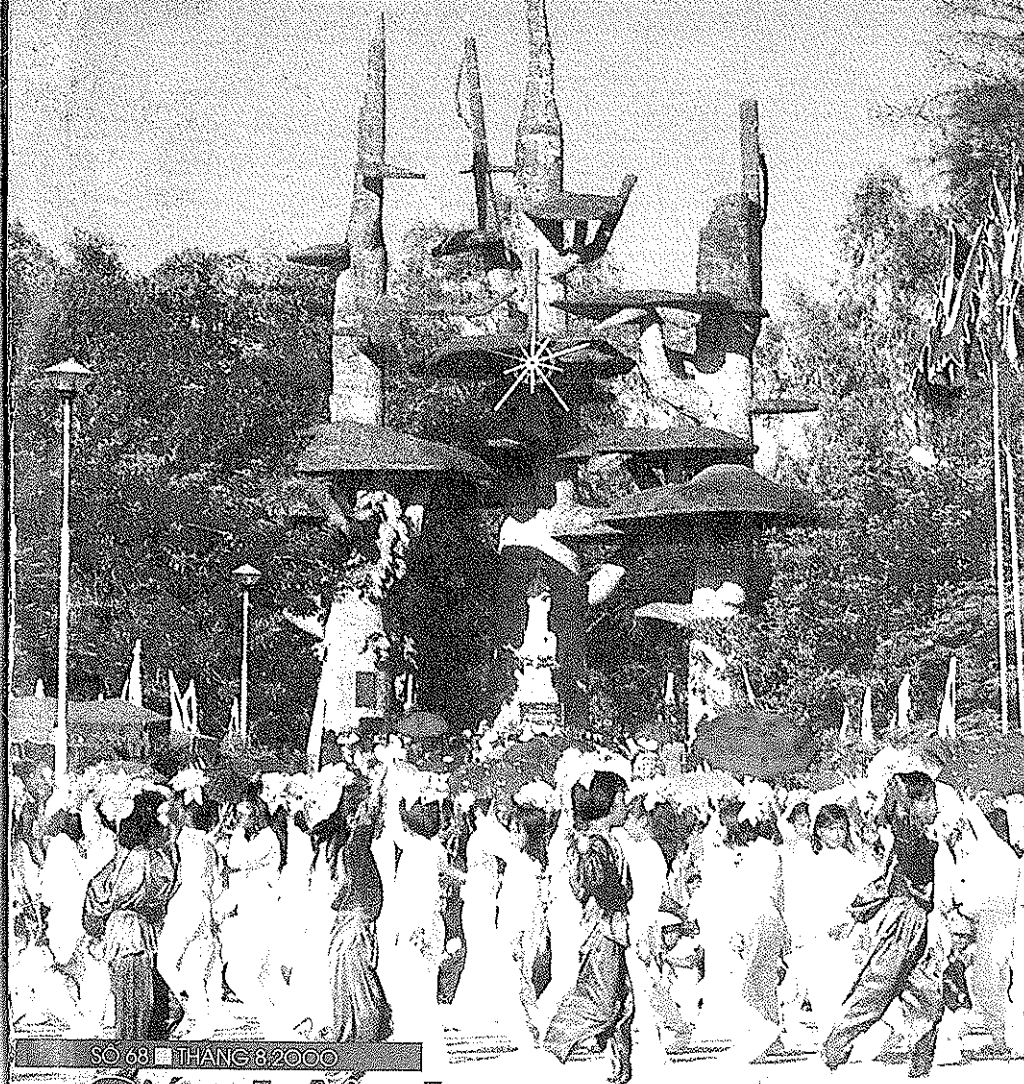


NGUYỄN SÂN

CÔNG GIÁO DÂN TỘC

CƠ QUAN CỦA

ỦY BAN ĐẠO HUY CÔNG GIÁO THỊ TRẠI CHÁNH



SỐ 68 ■ THÁNG 8.2000

Giáo hội phục vụ
sự thăng tiến con người

ĐỨC MẸ LA VANG MẸ GIÁO HỘI VIỆT NAM

LÊ ĐÌNH BẢNG

1. Ngày nay, không còn nghi ngờ gì nữa, nói đến La Vang là nói đến sự gắn kết diệu kỳ giữa Đức Mẹ với một địa danh có thật (La Vang, Quảng Trị), ở vào một thời điểm lịch sử có thật (Cảnh Thịnh, 1798) đã kinh qua, đã được cảm nghiệm, nhìn nhận và xác tín trong dòng thời gian trên 200 năm (1798 - 2000). Nói thế, không có nghĩa là mối cơ duyên nghĩa tình giữa trời cao với đất thấp, giữa Đức Trinh Nữ Maria với tín hữu Việt Nam chỉ có và chỉ bắt đầu từ sự kiện Đức Mẹ hiện ra ở La Vang vào năm 1798, triều vua Cảnh Thịnh.

Thực ra, ngay từ buổi hừng đông khi Tin Mừng mới được rao giảng trên mảnh đất Việt Nam thân yêu này (1533) và xuyên suốt 200 năm sau đó, Mẹ đã hiện diện, đã đồng hành ở mỗi nơi, mỗi việc, với mỗi người mà La Vang được công nhận là nơi ghi dấu, là chốn đích điểm thiêng liêng, cụ thể nhất. Bởi vì, dưới góc độ thuần túy của lịch sử, thật khó lòng mà xác định được diện mạo đời sống đức tin lòng đạo - trong đó có việc tôn kính Đức Mẹ Maria - của các cộng đoàn tín hữu Công giáo đầu tiên tại Việt Nam như thế nào. Tuy nhiên, cứ thông tục mà xét, nếu có thì cũng chỉ là những vết đất khai phá, những gieo vãi đầu mùa, tản mạn những dấu vết đậm nhạt, chưa rõ nét. Nói khác đi, chúng ta chưa có một bức tranh toàn cảnh về sinh hoạt Phụng tự trải dài

từ thế kỷ XIV tại Bình Định, thế kỷ XV tại Thanh Hóa và những thập niên đầu thế kỷ XVI tại Ninh Cường (Nam Định), kể cả thời gian kế tiếp sau đó, khi giáo đoàn dòng Đa Minh từ Malacca cập bến Côn Cao, Hà Tiên (1550) hoặc ghé Quảng Nam (1580 - 1586). Đặt giả thuyết, nếu coi việc linh mục Ordonez de Cevallos rửa tội cho người chị vua Lê Anh Tôn là Mai Hoa công chúa cùng gia nhân đây tổ trong hoàng cung năm 1591 là chuyện có thật thì Maria Flora - tên thánh và tên gọi của nàng khuê các ấy - phải được xem là "Bông - hoa - hương - sắc - đầu mùa" đã khắc họa buổi truyền tin và viếng thăm sớm sủa nhất của Đức Mẹ Maria trên giải đất này. Diệu kỳ thay, như một an bài tiền định, thánh Cả Giuse cũng đã mau chân đến cầm lều dựng trại để ở cùng con cái Việt Nam qua sự kiện giáo đoàn dòng Tên - do linh mục Alexandre de Rhodes khởi xướng - cập bến bình an ở cửa Bạng (Thanh Hóa) đúng vào ngày 19.3.1627. Hóa ra, không hẹn mà nên, cả cha lẫn mẹ Đức Giêsu Kitô đã đi bước trước, đã làm cái công việc "tiền trạm" dọn đường để hạt giống đức tin, để Tin Mừng cứu độ được nảy ngành xanh ngọn trên thửa ruộng Viễn Đông xa lắc xa lơ này. Phải chăng, do cảm nghiệm từ sự can dự nhạy bén của Đức Mẹ vào tiệc cưới Cana và từ buổi đầu hiệp thông "Khi các tông đồ họp nhau cầu nguyện và có Maria, Mẹ Đức Giêsu và các anh em Ngài" (CV 1,14) mà trong bức thư gửi Đức Giám mục Lambert de la Motte năm 1665, cộng đoàn tín hữu Đàng Trong đã viết: "Chúng con thờ lạy Thiên Chúa Ba Ngôi và tôn kính Đức Nữ Đồng Trinh" (Andrien Launay, Histoire de la Mission de Conchinchine, tập I, trang 59).

Lùi xa hơn thế. Những trang bút ký sau đây của linh mục Alexandre de Rhodes đã hé mở cho chúng ta thấy những chứng từ sống động hơn nhiều. Chẳng hạn, trong một buổi xướng ca nơi phủ Chúa Trịnh Tráng ở Đàng Ngoài "Chúa phái người đưa một chiếc thuyền nhỏ sơn son thiếp vàng đến đón và đưa chúng tôi tới thuyền Ngài, nơi Ngài muốn cho chúng tôi tham dự buổi ca hát... Chúa cho chúng tôi được hân hạnh ngồi cạnh Chúa và hỏi chữ, bên nước chúng tôi đàn hát ra làm sao? Khi chúng tôi thuật lại thì Chúa để ý tới cổ tràng hạt Đức Trinh Nữ vòng ngang thắt lưng tôi. Chúa bèn xin, rồi đeo vào cổ đứa cháu gái bị bệnh đã ba năm đang ngồi trên lòng Chúa" (Lịch sử Vương Quốc Đàng Ngoài, trang 101, bản Việt ngữ của Hồng Nhuệ, tủ sách Đại Kết, 1994).



Chẳng hạn, năm 1644, tại tỉnh Quảng Bình, linh mục Alexandre de Rhodes viết : “Ở đây, tôi gặp một giáo dân rất nhiệt thành, tên là Phanchicô, vốn có thâm niên trong nhà binh. Ông có vợ tên là Têrêsa, cả hai sống rất đạo đức. Ông bắt đầu tôn kính Đức Trinh Nữ trước khi thành giáo dân. Một hôm, thấy có ảnh Đức Mẹ Mân Côi trong tay mấy người ngoại, ông bèn bỏ tiền ra chuộc lại với giá khá đắt và từ đó, ông đặt ảnh này lên bàn thờ để đêm ngày đọc kinh kính viếng... Ông tôn sùng Đức Mẹ đến nỗi không bao giờ dám đặt chân vào nhà nguyện mà không lo rửa sạch linh hồn, không hăm mình trước, như ông đã thú thật với tôi”. (Hành trình và Truyền giáo, cùng dịch giả trên, trang 132 - 133).

2. Ở đâu không rõ, chứ ở Việt Nam thì việc yêu mến, sùng mộ và tôn kính Đức Mẹ Maria là một trong những thói tục lành thánh, một cách thể hiện lòng đạo đức tin không thuộc phạm trù phân tích của lý trí. Thật tự nhiên, nó xuất phát từ một tình cảm hiểu hạnh thơm thảo - Mẹ - con, tình mẹ yêu thương con và tình con kính mến mẹ trong truyền thống đạo đức, trong khung cảnh ấm êm đùm bọc của gia đình. Có thể nhận ra cái “tâm thức thờ Mẫu” ấy có gốc sâu rễ bền trong những tín ngưỡng hoặc trong tôn giáo dân gian mà Âu Cơ, Phật bà, Tiên cô, đền Mẫu, Mẹ đất, Mẹ nước, Mẹ núi Thượng Ngàn... là những chứng tích đậm đà màu sắc tôn giáo, tâm linh. Tất nhiên, trên cái nền tảng đức tin Kitô giáo, lòng sùng kính Đức Mẹ của người Công giáo Việt Nam mình cũng khá đặc thù, đôi khi làm bận trí và phát lòng những nhà thần học đàm chiêu, khó tính chẳng ? Có đi sâu vào thực tế đời sống của nhà đạo mình, mới cảm nhận được điều ấy. Làm sao tổng hợp, thống kê cho xuê những giáo phận, giáo hạt, họ đạo, nhà thờ, giáo điểm, cộng đoàn nhà dòng, tu hội, đền thánh, đoàn hội và số lượng người chọn nhận Đức Mẹ làm thánh danh, làm bổn mạng ? Cụ thể hơn, chúng ta còn có thể nghe được thứ ngôn ngữ của dân gian nhà đạo từ cửa miệng họ thốt lên “Giêsu, Maria, Giuse, lạy Chúa tôi” hoặc “Đức Bà chừa con !”... chắc chắn không giản đơn như một phản xạ tự phát. Phải từ máu thịt của đức tin đức cậy đức mến, từ một nề nếp văn hóa gia đình, y như khi người ta dạy con cháu mình bằng ca dao tục ngữ, bằng “*Nhị thập tứ hiếu*”, “*Gia huấn ca*” hay “*nói Kiều*”. Đây là chưa kể đến chuyện những tước hiệu của Đức Mẹ, chuyện mỹ thuật kiến trúc, hội họa, điêu khắc, nhiếp ảnh, âm nhạc, văn thơ, mỹ nghệ phụng tự, báo chí

và mắng kinh hạt lễ nhạc, rước sách, kiệu cờ diễn ra quanh năm suốt tháng theo lịch phụng vụ và mùa màng. Đặc biệt, tháng năm dâng hoa và tháng mười Mân côi đã trở thành những lễ hội riêng về Đức Mẹ, có bài bản và qui cách khá điệu nghệ, thu hút lòng mộ mến của đông đảo quần chúng. Nhiều nơi, có cả sự tham gia công đức của dân giáp bên lương và nhà chùa. Liệu có cường điệu chăng khi bảo rằng ít thấy một cộng đoàn công giáo nào trên cõi thế gian này lại có lòng sùng kính Đức Mẹ Maria như cộng đoàn công giáo Việt Nam? Câu trả lời khách quan, chúng ta xin nhường cho các giáo đoàn thừa sai đã có mặt, đồng thời đã phát hiện và đã cùng với tổ tiên cha ông ta bước đầu làm công việc “*hội nhập văn hóa*”, thông qua một số sáng kiến về phụng vụ hằng mấy trăm năm trước đây. Riêng sự kiện Đức Mẹ hiện ra ở La Vang, tuy là phần phúc ơn riêng dành cho con cái Việt Nam, song tiếng lành đã vượt ra ngoài biên giới, đã nên điểm hẹn của biết bao chuyến hành hương. Gần đây nhất, hẳn ai nấy còn nghe vang vọng lời tâm sự chân tình của phái đoàn Giám mục Hoa Kỳ khi đến quỳ dưới linh đài Mẹ La Vang: “*Giáo hội Việt Nam vinh dự có Đức Mẹ La Vang. Hoa Kỳ muốn có mà chẳng được*”. Đức TGM Fiorenza, chủ tịch HĐGM Mỹ còn nói tiếp: “*Làm con để không được, chúng tôi chỉ xin làm con nuôi của Mẹ La Vang thôi!*”.

3. Như trên đã nói, nếu trong lịch sử cứu độ của Thiên Chúa và trong hành trình chia sẻ đến tận cùng thân phận làm người với trần gian của Đức Kitô, Mẹ Maria đã sớm vâng nghe lời truyền tin, đã vội vã lên đường để chia sẻ diễm phúc ấy với người chị em, Mẹ đã dự phần vào phép lạ đầu tiên nước - rượu và Mẹ đã chết lặng với Con trên núi Sọ thế nào thì đối với Giáo hội Công giáo Việt Nam ở vào một thời điểm cực kỳ gai lửa ấy, Mẹ cũng đã mau mắn “*chọn La Vang mà hiện đến, cứu giúp hộ phù Tổ Tiên chúng con lương giáo, giữa thời ly loạn, cấm cách, khốn khổ trăm bề*”. Đúng như nhận xét sau đây của nhà sử học công giáo Phạm Đình Khiêm: “*Lịch sử Lộ Đức và Fatima quan trọng nhất là ở giai đoạn khởi thủy, tức là giai đoạn Đức Mẹ hiện ra. Lịch sử La Vang, trái lại, càng ngày càng quan trọng hơn bởi những diễn biến kế tục. Trong vấn đề La Vang, Đức Mẹ dường như muốn thắng vượt tất cả mọi thông lệ. Còn sử liệu nào, còn bằng chứng nào tỏ rõ sự hiện diện, sự can thiệp của Đức Mẹ trên mảnh đất này hơn là lòng tin tưởng vững bền mà chính Mẹ đặt vào lòng*

con cái Việt Nam từ thế hệ họ truyền sang thế hệ kia và cùng với thời gian càng lớn mạnh, tựa như hạt cải nhỏ trong Phúc âm biến thành cây cải lớn có chim trời đến đậu”. Tương tự, Lm. René Morineau (cố Trung) - Cha sở họ đạo Trí Bưt kiêm La Vang (1931 - 1938) - đưa ra ý kiến: “*Ở những địa danh trên thế giới như Lộ Đức, Fatima, Đức Mẹ hiện đến với con người - Còn ở La Vang, chính con người đã lôi kéo Mẹ Thiên Chúa xuống trần gian*”. Để minh họa cho những lập luận trên, không gì bằng gọi lên một đôi chiếu nào đó giữa La Vang với Lộ Đức, Fatima, La Salette, Guadelupe, Medjugorge. Không hề có một hiện tượng bất thường nào. Chẳng có một mệnh lệnh, thông điệp khẩn cấp, quan trọng nào. Ở La Vang, Mẹ đến để “*phù hộ các giáo hữu*” trong cung cách thật từ tốn, khoan hòa, một người Mẹ luôn trấn trở chăm chút những nỗi khốn khó rất đời thường của đoàn con. Nếu ở những nơi kia, Mẹ chỉ đến một thân một mình thì ở La Vang, Mẹ đã ẵm bồng Giêsu Hải Đông, như để giới thiệu, trao gửi và cam kết rằng sau Giêsu-con-đầu-lòng, Mẹ còn cưu mang, sinh hạ và che chở phù trì cho cả một đoàn con cái Việt Nam vậy.

Cho nên, không lạ gì, cái gia tài đức tin, cái nơi chôn ghi dấu thiêng thánh ấy - La Vang - luôn được các thế hệ chủ chiên trong giáo hội kế tục gìn vàng giữ ngọc, trùng tu tôn tạo, phát triển bằng tất cả công sức, của cải. Từ cái am thờ bằng tranh tre buồm dầu (đã bị phóng hỏa thời Văn Thân, 1885), từ ngôi đền thờ theo kiến trúc Việt Nam do Đức Giám mục Caspar (Lộc) khởi công - khánh thành (1886 - 1901) cho đến đền thánh do Đức Giám mục Allys (Lý) quyết định xây dựng (1924 - 1928) mà đến nay chỉ còn lại di tích cổ tháp, hậu quả từ cuộc chiến ác liệt 1972. Chính ngôi đền thiêng này đã được Đức Thánh Cha Gioan XXIII tôn vinh lên bậc “*vương cung thánh đường*”, do Tông Thư Magno Nos (Đề muôn đời ghi nhớ, ngày 22.8.1961). Từ 1972 đến nay, các hạng mục công trình của thánh địa La Vang vẫn được tiếp tục trùng tu, phát triển để phục vụ nhu cầu của các đoàn khách hành hương. Quảng trường Mân Côi, hai hồ Tĩnh Tâm, Linh Đài, nhà đại chúng, nhà khách, đôi Cồn, hồ Giê-nê-darét, nhà truyền thông, lễ đài cách tân từ kiến trúc dân Nam Giao... Nếu tính từ Đại hội Hành hương La Vang (ĐHHHLV) lần đầu tiên vào tháng 8.1901 - thông lệ ba năm một lần - thì đến nay đã có 25 kỳ Đại hội, với hàng chục triệu lượt người gần xa, trong ngoài nước đến với Mẹ. Cụ thể, lễ khai mạc Năm

Toàn Xá kỷ niệm 200 năm Đức Mẹ hiện ra tại La Vang (1998) đã có 150.000 và lễ bế mạc Năm Toàn Xá (8.1999), con số đã lên tới 300.000 người, một con số ngoài dự kiến.

Xin lược ghi ra đây một số sự kiện đáng nhớ để khẳng định rằng Đức Mẹ La Vang luôn đồng hành với Giáo hội Công giáo Việt Nam : Đức Khâm Sai Tòa thánh Lécroart tới Cổ Vưu và La Vang (22.3.1923) - Đức Khâm Sai đầu tiên tại Việt Nam là Đức Giám mục Ajuti viếng La Vang cùng ngày nhậm chức (25.11.1925) - Đức Khâm Sai Drapier (1927) - Đức Khâm Sai Dreyer (1929) - Đức Khâm Sai Caprio (1950) - Đức Khâm Sai Angelo Palmas (1955) - Đức Khâm Sai Mario Brini (1961) - Đức Hồng y Giltroy (1955) - Đức Hồng y Agagianian (1959) - Đức Giám mục Simon Hòa Nguyễn Văn Hiền và phái đoàn địa phận Sài Gòn (7.4.1958) - Đức Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình và phái đoàn địa phận Cần Thơ (14.4.1958) - Đức Giám mục Phêrô Maria Phạm Ngọc Chi và phái đoàn địa phận Qui Nhơn (2.6.1958). Đặc biệt tại Tam nhật lễ bế mạc Năm Toàn Xá và Đại hội Hành hương Đức Mẹ La Vang lần thứ 25 vừa qua (tháng 8.1999), La Vang đúng là điểm gặp gỡ của một Giáo hội Công giáo Việt Nam hiệp thông, đồng đạo nhất : Đức Hồng y Phaolô Giuse Phạm Đình Tụng, Chủ tịch HĐGMVN; trên 20 Đức Tổng Giám mục, Giám mục, hàng ngàn linh mục, hàng vạn chủng sinh - nam nữ tu sĩ và 300.000 giáo hữu từ khắp mọi miền đất nước, từ hải ngoại về, quây quần bên Mẹ.

Nếu Đức Thánh Cha Gioan XXIII mới chỉ mở cánh cửa ra để La Vang được nhìn nhận thì trong những năm gần đây của triều đại Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II, La Vang đã được tôn vinh và người mẹ của gia tài đức tin ấy - Thánh Mẫu La Vang - đã được giáo hội toàn cầu tụng ca là "đầy muôn ơn phúc, ngời chói vạn hào quang, muôn vàn thần thánh không ai sánh bằng...". Nhiều lần, rất nhiều lần, Đức Thánh Cha đã toàn tâm toàn ý với Đức Mẹ La Vang và Giáo hội Việt Nam trong suy nghĩ, cầu nguyện, trong các sứ điệp và trong các cộng đoàn chuẩn bị, khai mạc và bế mạc đại lễ hành hương năm vừa qua : nhân dịp tôn phong các thánh tử đạo Việt Nam tại quảng trường thánh Phêrô (19.6.1988) - Cầu nguyện và phó thác cộng đoàn Việt Nam cho Đức Mẹ, Denver (Hoa Kỳ, 15.8.1993) - Làm phép tượng Đức Mẹ La Vang và nhắc lại việc tín hữu Công giáo Việt Nam đã cùng hiến Đền thánh cho Trái Tim Vẹn Sạch Đức Mẹ (26.10.1994) -

Huân dụ gửi các Đức Giám mục Việt Nam về Roma viếng mộ hai thánh Tông đồ Phêrô - Phaolô (14.2.1996) - Ban phép mở năm Toàn xá và sứ điệp gửi tín hữu Công giáo Việt Nam, nhân kỷ niệm 200 năm Đức Mẹ hiện ra tại La Vang (20.7.1997) - Thư bổ nhiệm đặc sứ của Đức Thánh Cha tham dự Đại hội La Vang (1.8.1998)...

Trích đoạn sau đây trong "Sứ điệp của Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II gửi tín hữu Công giáo Việt Nam", nhân đại lễ bế mạc Năm Toàn Xá Đức Mẹ La Vang và Đại hội Hành hương lần thứ 25 (16.7.1999) là một kết luận tập trung đầy đủ ý nghĩa nhất : *"Nhân bế mạc năm Toàn Xá Đức Mẹ La Vang, tôi hiệp ý cầu nguyện với các tín hữu Việt Nam và các người hành hương chạy đến cầu xin Đức Trinh Nữ Maria Hiền Mẫu cầu bầu. Nguyên xin Mẹ chỉ thánh đồng hành với Giáo hội Công giáo tại Việt Nam trên con đường đi về với Chúa và phù trợ cho Giáo hội Việt Nam được trở nên chứng tá trước ngưỡng cửa của ngàn năm thứ ba... Khi đi về đền thánh Đức Mẹ La Vang - nơi thân yêu của tín hữu Việt Nam - người hành hương đến tin thác cho Mẹ những vui mừng và lao nhọc, những hy vọng và đau thương của mình. Như thế là họ đã quay về với Thiên Chúa và trở thành những người chuyển cầu cho gia đình và toàn thể dân tộc mình. Xin Chúa đặt vào trong tâm hồn mọi người những tâm tình hòa bình, huynh đệ và liên đới, để tất cả mọi người Việt Nam hợp nhất với nhau mỗi ngày một hơn, ngõ hầu xây dựng một thế giới trong đó con người sống tốt đẹp hơn trên nền tảng những giá trị tinh thần và luân lý thiết yếu, và trong đó, mỗi người có thể được nhìn nhận theo phẩm giá con cái Thiên Chúa, để quay về với Cha trên trời là "Đấng giàu lòng thương xót" trong tự do với tình con thảo (Eph 2,4)".*